



Phụ lục I

TRÌNH TỰ VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Nghị định số 248/2026/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

I. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC THÔNG BÁO NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ thông báo; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử. Chủ quản nền tảng nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã thông báo để gắn trên nền tảng đó; khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ thông báo. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ thông báo, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ sẽ bị chấm dứt tự động.

- Từ chối hồ sơ khai báo và nêu rõ lý do. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

4. Quy trình sửa đổi, bổ sung thông báo thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo sửa

đổi, bổ sung thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ thông báo; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

- Chấm dứt hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

5. Quy trình chấm dứt thông báo thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy trình 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo chấm dứt thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt thông báo. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐĂNG KÝ, CHẤM DỨT ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN, MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP VÀ NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp và chủ quản nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp và nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài thực hiện theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Chủ quản nền tảng nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã đăng ký để gắn trên nền tảng đó; khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ đăng ký. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ đăng ký, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ sẽ bị chấm dứt tự động.

- Từ chối hồ sơ khai báo và nêu rõ lý do. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

4. Quy trình sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp và nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

- Chấm dứt hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

5. Quy trình chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

và nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài thực hiện tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo chấm dứt đăng ký theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt đăng ký. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP, THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được thực hiện trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Cổng dịch vụ công quốc gia để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm hồ sơ theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức nhận thông tin phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định này. Thông tin tổ chức được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Các tổ chức nhận được biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện lại Bước 1.

- Từ chối hồ sơ đề nghị cấp phép và nêu rõ lý do.

4. Quy trình sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo 02 bước sau đây:

Bước 1. Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện sửa đổi, bổ sung giấy phép theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Hồ sơ đủ điều kiện cấp phép, cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định này, thời hạn của giấy phép thay đổi là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức nhận biểu tượng xác nhận điện tử đã cấp phép để gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện lại Bước 1 của Mục này.

5. Quy trình đề nghị thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước sau đây:

Bước 1: Đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp theo mẫu và đính kèm tài liệu (nếu có) theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép ban hành văn bản thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Thông tin tổ chức bị thu hồi giấy phép được công khai tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

IV. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC RÚT TIỀN KÝ QUỸ

1. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định này, chủ quản nền tảng gửi hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương khi có xác nhận đã ký quỹ đủ số tiền tại một ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam.

2. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định này, chủ quản nền tảng gửi hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương sau khi bị từ chối hồ sơ đăng ký.

3. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này, sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương công khai xác nhận chấm

dứt hoạt động của nền tảng trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử mà không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc nền tảng chưa hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Nghị định này, chủ quản nền tảng gửi hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản chấp thuận cho chủ quản nền tảng rút tiền ký quỹ.

4. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này, sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương công khai xác nhận chấm dứt hoạt động của nền tảng trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử mà nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc nền tảng chưa hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Nghị định này, Bộ Công Thương xem xét xử lý khoản tiền đã ký quỹ theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này và thông báo đến chủ quản nền tảng đó.

V. QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC TRÍCH TIỀN KÝ QUỸ

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm gửi Bộ Công Thương văn bản đề nghị trích tiền ký quỹ, kèm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính, bản án hoặc quyết định của Tòa án và các tài liệu hợp pháp chứng minh chủ quản nền tảng chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo khoản 1 Điều 39 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi tổ chức ký quỹ thực hiện trích tiền từ tài khoản ký quỹ, để thực hiện nghĩa vụ theo quyết định xử phạt, bản án hoặc quyết định của Tòa án; văn bản này là căn cứ để ngân hàng thực hiện việc trích tiền theo thỏa thuận ký quỹ.

3. Ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi tổ chức ký quỹ thực hiện trích tiền ký quỹ theo văn bản yêu cầu của Bộ Công Thương và thông báo kết quả thực hiện cho Bộ Công Thương.



Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 248/2026/NĐ-CP
ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tờ khai thông báo của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến
Mẫu số 02	Tờ khai đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp và nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài
Mẫu số 03	Tờ khai thông tin cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 04	Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ
Mẫu số 05	Mẫu đề án hoạt động của nền tảng thương mại điện tử
Mẫu số 06	Mẫu đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 07	Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử trung gian
Mẫu số 10	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử
Mẫu số 11	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử tích hợp
Mẫu số 12	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn
Mẫu số 13	Báo cáo kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật
Mẫu số 14	Báo cáo kết quả hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử tại Việt Nam của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử

Mẫu số 01. Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI THÔNG BÁO
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**

Phần 1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2. Thông tin người đại diện pháp luật và người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 3)*

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. *(tiếp tục khai báo phần 4)*

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a) Đối với website

- Địa chỉ website:
- Chủ sở hữu tên miền:
- Logo:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b) Đối với ứng dụng

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng

3. Ngôn ngữ

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách về giá

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có)

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ)

10. Nội dung khác (nếu có)

Phần 4. Lý do chấm dứt

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.

Mẫu số 02. Tờ khai đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp và nền tảng thương mại điện tử có yếu tố nước ngoài

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN,
MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ,
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP VÀ NỀN TẢNG
THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Phần 1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử

- Tên chủ quản nền tảng:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc giấy tờ tương tự khác.
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thương mại điện tử	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến (áp dụng đối với nền tảng số lớn)
1	Họ và tên			
2	Chức danh			
3	Số CCCD/số hộ chiếu			
4	Địa chỉ			
5	Số điện thoại			
6	Email			

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Đăng ký (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Sửa đổi, bổ sung đăng ký (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Chấm dứt đăng ký (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Loại hình nền tảng:
 - ☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian (trong nước)

- ☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử (trong nước)
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp (trong nước)
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian (nước ngoài)
- ☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử (nước ngoài)
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp (nước ngoài)
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến (nước ngoài)

2. Tên website/ứng dụng và chức năng tích hợp của nền tảng

a) Đối với website:

- Địa chỉ website:
- Chủ sở hữu tên miền.
- Logo:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b) Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Biểu tượng
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

c) Chức năng của nền tảng:

- ☐ Nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến
- ☐ Nền tảng có livestream bán hàng
- ☐ Nền tảng có tích hợp hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng
- ☐ Nền tảng có chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác

3. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng

Phần 4. Lý do chấm dứt:

Phần 5. Cam kết:

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan./.

Mẫu số 03. Tờ khai thông tin cấp phép, sửa đổi, bổ sung giấy phép, đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

**TỜ KHAI THÔNG TIN CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP,
ĐỀ NGHỊ THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI**

Phần 1. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc giấy tờ tương tự khác.
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người liên hệ
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD/số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. *(tiếp tục khai báo phần 3)*
- ☐ Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. *(tiếp tục khai báo phần 3)*
- ☐ Đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại *(tiếp tục khai báo phần 4)*

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền của website hoặc tên ứng dụng:

a) Đối với website:

- Địa chỉ website:
 - Chủ sở hữu tên miền.
- b) Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Biểu tượng
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting
3. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ khác (nếu có)
4. Ngôn ngữ
5. Số nhân viên quản lý, giám sát các hoạt động

Phần 4. Lý do dùng cung cấp dịch vụ

Phần 5. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật có liên quan.

Mẫu số 04. Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Thông tin tổ chức

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:
- Tên website/ứng dụng Thương mại điện tử:

2. Người đại diện pháp luật:

- Họ và tên:..... Số CCCD/số hộ chiếu:.....
- Chức danh:.....
- Địa chỉ:.....Số điện thoại:.....

Đề nghị giải tỏa số tiền ký quỹ tại ngân hàng... ..theo xác nhận ký quỹ số..... ngày.....

1. Lý do:.....

2. Văn bản, tài liệu kèm theo:.....

Người liên hệ:..... Điện thoại:.....

Tổ chức cam kết đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản ... Điều... Nghị định số.....

Tổ chức cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)*

Mẫu số 05. Mẫu đề án hoạt động của nền tảng thương mại điện tử**TÊN TỔ CHỨC**
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm ...

MẪU ĐỀ ÁN HOẠT ĐỘNG
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC**

1. Giới thiệu chung

- Giới thiệu chung tổ chức, quá trình hình thành và phát triển.
- Trong trường hợp kinh doanh nền tảng thương mại điện tử nước ngoài tại Việt Nam: Giới thiệu chung về đơn vị được ủy quyền.

2. Vốn đầu tư cho nền tảng thương mại điện tử

2.1. Nguồn vốn

- ☐ Vốn tổ chức
- ☐ Vốn ngân sách nhà nước
- ☐ Vốn đầu tư nước ngoài
- ☐ Nguồn vốn khác

Tổng mức đầu tư cho dự án thương mại điện tử:

Tổ chức có yếu tố nước ngoài:

- ☐ Pháp nhân nước ngoài góp vốn hoặc cho vay
- ☐ Hợp tác với pháp nhân nước ngoài về kỹ thuật, hệ thống hoặc kinh doanh
- ☐ Nhân sự quản lý nước ngoài

Mô tả về yếu tố nước ngoài:

2.2. Thông tin về giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Cơ cấu tổ chức.

4. Số lượng nhân viên của Công ty/Số lượng nhân viên của Đơn vị được ủy quyền thực hiện vận hành nền tảng thương mại điện tử.

II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Giới thiệu chung về nền tảng thương mại điện tử

1.1. Thông tin hoạt động thương mại điện tử

- Tên Website/ứng dụng hoạt động thương mại điện tử; đường link tải ứng dụng

- Thời gian dự kiến hoạt động: tháng.....năm.....

a) Mô hình hoạt động

☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian

☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp

☐ Dịch vụ khác...

b) Chức năng bán hàng trên nền tảng

☐ Chức năng đặt hàng trực tuyến

☐ Chức năng livestream bán hàng

☐ Chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác

☐ Chức năng tiếp thị liên kết

1.2. Phạm vi, địa bàn hoạt động của nền tảng

1.3. Các loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp trên nền tảng

2. Mô tả cấu trúc, chức năng, quy trình và cơ chế vận hành của nền tảng

2.1. Mô tả chung về loại hình nền tảng thương mại điện tử đang triển khai

a) Mô tả các chủ thể tham gia nền tảng bao gồm: bên chủ quản nền tảng, bên bán, bên mua, bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử trên nền tảng.

b) Cung cấp thông tin:

- Địa chỉ truy cập website/tải ứng dụng dành cho người quản trị hệ thống:
..... Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập website/tải ứng dụng dành cho người bán/nhà cung cấp:
..... Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập website/tải ứng dụng dành cho người mua/người sử dụng dịch vụ: Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập website/tải ứng dụng dành cho bên cung cấp dịch vụ hỗ

trợ thương mại điện tử trên nền tảng: Tài khoản thử nghiệm

2.2. Cấu trúc, chức năng của nền tảng

Mô tả cấu trúc, tính năng của nền tảng thương mại điện tử (bao gồm bản chụp trang chủ và các trang chuyên mục chính).

2.3. Quy trình cơ bản dành cho người mua/người sử dụng dịch vụ, người bán trên nền tảng (đối tác, nhà cung cấp...)

- a) Mô tả các quy trình dành cho người mua/người sử dụng;
- b) Mô tả các quy trình dành cho người bán;
- c) Mô tả các quy trình dành cho người livestream bán hàng (đối với nền tảng thương mại điện tử có chức năng livestream bán hàng);
- d) Mô tả các quy trình dành cho người tiếp thị liên kết (đối với nền tảng thương mại điện tử có chức năng tiếp thị liên kết);
- đ) Mô tả các quy trình tích hợp các nền tảng khác trên nền tảng chính (đối với nền tảng thương mại điện tử tích hợp);
- e) Mô tả các quy trình thực hiện chức năng đặt hàng trực tuyến/thanh toán trực tuyến trên nền tảng;
- g) Mô tả các quy trình khác (nếu có).

2.4. Quy trình cơ bản về vận hành và kiểm soát thông tin của chủ quản nền tảng thương mại điện tử

- a) Mô tả các quy trình kiểm soát thông tin sản phẩm và thông tin hiển thị, quy trình kiểm duyệt thông tin; quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; hiển thị nội dung cảnh báo khi livestream bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ có nguy cơ gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người mua;
- b) Mô tả các quy trình quản lý đơn hàng, thanh toán, logistics; cách thức xác nhận đơn hàng, cách thức kết nối, hiển thị và phân chia đơn hàng cho đơn vị logistics;
- c) Mô tả các quy trình về kiểm soát và xử lý vi phạm: cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm theo điều kiện giao dịch công bố trên nền tảng; ngăn chặn, dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết khi phát hiện hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về nội dung livestream bán hàng;
- d) Mô tả các quy trình xử lý phản ánh, khiếu nại trực tuyến;
- đ) Mô tả về quy trình kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan nhà nước có thẩm

quyền thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử (nếu có);

c) Mô tả các quy trình khác (nếu có).

2.5. Quy trình cơ bản về vận hành và kiểm soát thông tin của của pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam (nếu có)

a) Mô tả quy trình phối hợp về kiểm soát và xử lý vi phạm: cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm theo điều kiện giao dịch công bố trên nền tảng (nếu có);

b) Mô tả các quy trình phối hợp xử lý phản ánh, khiếu nại trực tuyến.

3. Biện pháp kỹ thuật - nghiệp vụ

a) Thông tin về hệ thống máy chủ, địa điểm lưu trữ, cấu hình, số lượng máy chủ, phương án máy chủ dự phòng và khắc phục sự cố;

b) Mô tả các quy trình thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu người bán, người sử dụng, người livestream bán hàng, người tiếp thị liên kết; quy trình cơ bản xác minh hợp pháp, hợp lệ của các tài liệu, thông tin, dữ liệu được cung cấp bởi người bán, người sử dụng, người livestream bán hàng, người tiếp thị liên kết;

c) Mô tả các quy trình cơ bản quản lý người bán, người sử dụng, người livestream bán hàng, người tiếp thị liên kết bảo đảm:

- Thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin đăng tải của người bán;

- Hiện thị cảnh báo cho người bán về các hành vi không được thực hiện khi tạo, sử dụng tài khoản và các giải pháp kỹ thuật bảo đảm việc người bán đã đọc đầy đủ nội dung cảnh báo.

d) Mô tả hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 03 theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và an toàn thông tin mạng;

đ) Mô tả hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực tuyến đối với thông tin hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng trong thời gian ít nhất 01 năm từ thời điểm đăng tải;

e) Mô tả hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực tuyến 03 năm đối với hợp đồng đã giao kết từ thời điểm giao kết hợp đồng tự động và lưu trữ tối thiểu 01 năm đối với dữ liệu về hình ảnh, âm thanh của hoạt động livestream bán hàng từ thời điểm bắt đầu truyền phát;

g) Mô tả hệ thống rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật đáp ứng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 18 Nghị định này;

h) Mô tả hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực

tuyển đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này;

i) Phương án dự phòng bảo đảm an toàn và hoạt động liên tục của nền tảng thương mại điện tử trong trường hợp xảy ra sự cố.

4. Nguồn thu và cơ chế thu phí thành viên

4.1. Nguồn thu của nền tảng thương mại điện tử

- ☐ Dịch vụ tư vấn
- ☐ Phí thành viên
- ☐ Tin nhắn
- ☐ Thu phí % dựa trên đơn hàng
- ☐ Quảng cáo
- ☐ Dịch vụ gia tăng khác

4.2. Cơ chế tính giá dịch vụ

Mô tả chi tiết cơ chế tính giá dịch vụ mở, duy trì tài khoản; xử lý đơn hàng và các loại dịch vụ khác.

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

1. Quy định về điều kiện hoạt động áp dụng trên nền tảng thương mại điện tử:

a) Mô tả quy định các nội dung công khai trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại Chương II của Nghị định này;

b) Mô tả quy định về kiểm soát, rà soát thông tin trên nền tảng thương mại điện tử;

c) Mô tả phương án tiếp nhận lại, xử lý hàng hóa do người bán cung cấp trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ đăng tải trên nền tảng không theo đúng nội dung đã thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết trên nền tảng.

2. Phân định quyền và trách nhiệm giữa chủ quản nền tảng với các bên sử dụng dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử:

a) Quy định quyền và trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử (bảo đảm quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định này);

b) Quy định quyền và trách nhiệm của đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam (bảo đảm trách nhiệm quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Luật Thương mại điện tử);

c) Quy định quyền và trách nhiệm của người bán trên nền tảng thương mại

điện tử (bảo đảm trách nhiệm quy định tại Điều 21 Luật Thương mại điện tử);

d) Quy định quyền và trách nhiệm của người tiếp thị liên kết thương mại điện tử (bảo đảm trách nhiệm quy định tại Điều 26 Luật Thương mại điện tử);

đ) Quy định quyền và trách nhiệm của người mua trên nền tảng thương mại điện tử;

e) Quy định quyền và trách nhiệm của nền tảng thương mại điện tử được tích hợp (bảo đảm trách nhiệm quy định tại Điều 20 Luật Thương mại điện tử);

g) Quy định quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, nhà cung cấp dịch vụ logistics, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán...) (bảo đảm trách nhiệm quy định tại Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Luật Thương mại điện tử).

3. Quy định về các điều khoản áp dụng khác.

IV. QUY CHẾ LIVESTREAM BÁN HÀNG

1. Quy định về hoạt động livestream bán hàng:

a) Đối tượng, quy trình, hướng dẫn người livestream bán hàng thực hiện định danh xác thực điện tử;

b) Điều kiện, quy trình, thủ tục về đăng ký mở tài khoản người bán và người livestream bán hàng;

c) Quy định về trường hợp bị dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết khi phát hiện nội dung vi phạm hoạt động livestream bán hàng;

d) Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức sử dụng công cụ cho phép người livestream bán hàng hiển thị nội dung cảnh báo khi livestream bán hàng;

đ) Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện cơ chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người xem trong và sau quá trình livestream bán hàng.

2. Phân định quyền và trách nhiệm của các bên tham gia livestream bán hàng.

3. Quy định về các điều khoản áp dụng khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu:

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 06. Mẫu đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

MẪU ĐỀ ÁN CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

I. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

1.1. Tên đăng ký, tên giao dịch, tên và chức danh người đại diện tổ chức, Tên và chức danh người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1.2. Cơ cấu tổ chức

1.3. Ngành nghề kinh doanh

1.4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định

2. Kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

2.1. Tóm tắt quá trình và kết quả kinh doanh từ khi thành lập công ty đến nay

2.2. Tóm tắt về năng lực tài chính

2.3. Các sản phẩm/dịch vụ đang cung cấp

3. Tổ chức nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ

3.1. Bộ phận quản trị vận hành kỹ thuật

3.2. Bộ phận quản lý hệ thống phần cứng, phần mềm

3.3. Bộ phận trực tiếp vận hành dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

3.4. Bộ phận chăm sóc khách hàng

II. MÔ TẢ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Mô tả phương án lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu của hợp đồng điện tử đã được chứng thực.

2. Mô tả phương án lưu trữ, bảo quản dữ liệu hợp đồng điện tử đã được

chứng thực, thời hạn lưu trữ, khả năng tra cứu, cung cấp bản sao hoặc chứng cứ điện tử phục vụ giải quyết tranh chấp.

3. Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Giới thiệu chung
2. Chức năng, tính năng chính của hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ
3. Quy trình xác thực, chứng thực, lưu trữ, tra cứu thông tin hợp đồng điện tử đã được chứng thực
4. Quy định, chính sách về an toàn thông tin, quản lý thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
5. Cơ chế giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại giữa các bên liên quan
6. Biện pháp rà soát và chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm
7. Biện pháp cung cấp thông tin về người sử dụng dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền
8. Quyền và trách nhiệm các bên (*tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; đơn vị tham gia sử dụng dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử*)
9. Điều khoản áp dụng
10. Liên hệ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu;

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 07. Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

**CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn/thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại ngày... tháng... năm... của ... (1);

Theo đề nghị của ... (2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép... (1), có trụ sở tại ..., có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...; Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...; được kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với những nội dung cụ thể sau đây:

1. Tên giao dịch: ... (1)

2. Loại dịch vụ được cấp phép kinh doanh:

Cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Thời hạn cung cấp dịch vụ đến hết ngày... tháng ... năm ...

3. Phạm vi cung cấp dịch vụ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (1) được thực hiện các hoạt động theo quy định của Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

Điều 2. ... (1) phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Thương mại điện tử, Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về

... các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...; thay thế Giấy phép số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...(3)

Nơi nhận:

- Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức được cấp giấy phép.
- (2) Thủ trưởng đơn vị trình cấp giấy phép.
- (3) Giấy phép đã được cấp (nếu có).

Mẫu số 08. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:
2. Tên tổ chức/cá nhân:
3. Mã số thuế:.....
4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
 Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thông tin chung

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng (giảm) so với năm trước đó
1	Quy mô giao dịch			
1.1	Số lượng đơn hàng thành công	Số lượng đơn hàng		
1.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công theo phương thức thanh toán			
1.2.1	Chuyển khoản	%		
1.2.2	Ví điện tử	%		
1.2.3	Thẻ tín dụng	%		
1.2.4	Thanh toán COD	%		
1.2.5	Phương thức thanh toán khác (mobile money...)	%		
1.3	Tổng giá trị đơn hàng thành công	Triệu đồng		

1.4	Số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
1.5	Tổng giá trị giao dịch của số lượng đơn hàng bị hủy	Triệu đồng		
2	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
2.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
2.2	Thời gian trung bình giải quyết 1 phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Ngày		

2. Hàng hóa, dịch vụ phổ biến được bán trên nền tảng

- | | |
|--|---|
| ☐ Đồ điện tử; | ☐ Rượu (các loại); |
| ☐ Thực phẩm, thực phẩm chức năng, làm đẹp, sức khỏe; | ☐ Dịch vụ đào tạo, đào tạo trực tuyến; |
| ☐ Thời trang - phụ kiện, đồ chơi - mẹ và bé; | ☐ Dịch vụ tư vấn hồ sơ, pháp lý, du học, thiết kế xây dựng, kiến trúc; |
| ☐ Ô tô - xe máy - xe đạp & phụ kiện, thể thao - dã ngoại - du lịch; | ☐ Dịch vụ nội dung số & giá trị gia tăng; tên miền, hosting, phần mềm, thiết kế website; quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, tổ chức sự kiện; |
| ☐ Nhà cửa - đời sống; | ☐ Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp; |
| ☐ Sách - Văn phòng phẩm - quà tặng; phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ; thẻ khách hàng thường xuyên; | ☐ Dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ; |
| ☐ Dịch vụ gọi xe; giao, đặt đồ ăn; vận tải, giao hàng, logistics; | ☐ Dịch vụ tìm việc làm; |
| ☐ Dịch vụ vé máy bay, đặt chỗ; lưu trú và du lịch; ăn uống, ẩm thực; | ☐ Dịch vụ bất động sản; |
| ☐ Dược phẩm | ☐ Sản phẩm, dịch vụ khác, cụ thể:
..... |
| ☐ Đồ điện tử; | |

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 09. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử trung gian

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam
của nền tảng thương mại điện tử trung gian

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:
2. Tên tổ chức/đơn vị:
3. Mã số thuế:.....
4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thông tin hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/giảm so với năm trước đó
1	Thông tin người bán			
1.1	Tổng số tài khoản người bán	Số lượng tài khoản		
1.1.1	Số tài khoản người bán trong nước	Số lượng tài khoản		
1.1.1.1	Số lượng tài khoản người bán là doanh nghiệp	Số lượng tài khoản		
1.1.1.2	Số lượng tài khoản người bán là hộ kinh doanh	Số lượng tài khoản		
1.1.1.3	Số lượng tài khoản người bán là cá nhân kinh doanh	Số lượng tài khoản		
1.1.2	Số tài khoản người bán nước ngoài	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người bán đăng ký mới	Số lượng tài khoản		

1.2.1	Số lượng tài khoản người bán trong nước đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.2.2	Số lượng tài khoản người bán nước ngoài đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người bán chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
2	Thông tin người mua			
2.1	Tổng số lượng tài khoản người mua	Số lượng tài khoản		
2.2	Số lượng tài khoản người mua đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
2.3	Số lượng tài khoản người mua chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
3	Thông tin livestream bán hàng			
3.1	Tổng số người livestream bán hàng	Số lượng người		
3.2	Số lượng phiên livestream bán hàng	Số lượng phiên		
3.3	Tổng giá trị đơn hàng thành công từ hoạt động livestream bán hàng	Triệu đồng		
4	Tổng số tin rao về hàng hóa, dịch vụ đang bán	Số lượng tin bài		
4.1	Tổng số lượng tin rao của người bán trong nước	Số lượng tin bài		
4.2	Tổng số lượng tin rao của người bán nước ngoài	Số lượng tin bài		
5	Quy mô giao dịch (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
5.1	Tổng số đơn hàng thành công theo phương thức thanh toán	Số lượng đơn hàng		
5.1.1	Chuyển khoản	%		
5.1.2	Ví điện tử	%		
5.1.3	Thẻ tín dụng	%		
5.1.4	Thanh toán COD	%		
5.1.5	Phương thức thanh toán khác (mobile money....)	%		
5.2	Tổng số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
5.3	Tổng giá trị giao dịch của đơn hàng thành công	Triệu đồng		
6	Tổng doanh thu của nền tảng	Triệu đồng		
6.1	Thu phí thành viên (mở, duy trì tài khoản)	Triệu đồng		
6.2	Thu phí xử lý đơn hàng	Triệu đồng		
6.3	Phí quảng cáo	Triệu đồng		
6.4	Thu phí từ dịch vụ khác (nếu có)	Triệu đồng		

7	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
7.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
7.2	Thời gian trung bình giải quyết 01 phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Giờ		

2. Thông tin hoạt động thương mại điện tử theo phạm vi địa lý (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)

STT	Địa điểm	Người bán				Người mua	
		Tổng đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với năm trước đó	Tổng giá trị đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với năm trước đó	Tổng chi phí	% tăng/giảm so với năm trước đó
1	An Giang						
2	Bắc Ninh						
3	Cà Mau						
4	Cao Bằng						
5	Đắk Lắk						
6	Điện Biên						
7	Tp. Đồng Nai						
8	Đồng Tháp						
9	Gia Lai						
10	Hà Tĩnh						
11	Hưng Yên						
12	Khánh Hòa						
13	Lai Châu						
14	Lâm Đồng						
15	Lạng Sơn						
16	Lào Cai						
17	Nghệ An						
18	Ninh Bình						
19	Phú Thọ						
20	Quảng Ngãi						
21	Quảng Ninh						
22	Quảng Trị						
23	Sơn La						
24	Tây Ninh						
25	Thái Nguyên						
26	Thanh Hóa						
27	Tp. Cần Thơ						
28	Tp. Đà Nẵng						
29	Tp. Hà Nội						
30	Tp. Hải Phòng						
31	Tp. Hồ Chí Minh						

32	Tp. Huế						
33	Tuyên Quang						
34	Vĩnh Long						
35	Nước ngoài						
Tổng cộng							

3. Hàng hóa, dịch vụ phổ biến được bán trên nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến

STT	Hàng hóa/dịch vụ	Tổng số lượng đơn hàng thành công	Tổng giá trị đơn hàng thành công (triệu đồng)
1	Đồ điện tử		
2	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, làm đẹp, sức khỏe		
3	Thời trang - phụ kiện, đồ chơi - mẹ và bé		
4	Ô tô - xe máy - xe đạp & phụ kiện, thể thao - dã ngoại - du lịch		
5	Nhà cửa - đời sống		
6	Sách – Văn phòng phẩm - quà tặng; phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ; thẻ khách hàng thường xuyên		
7	Dịch vụ gọi xe; giao, đặt đồ ăn; vận tải, giao hàng, logistics		
8	Dịch vụ vé máy bay, đặt chỗ; lưu trú và du lịch; ăn uống, ẩm thực		
9	Dược phẩm		
10	Đồ điện tử		
11	Rượu (các loại);		
12	Dịch vụ đào tạo, đào tạo trực tuyến		
13	Dịch vụ tư vấn hồ sơ, pháp lý, du học, thiết kế xây dựng, kiến trúc		
14	Dịch vụ nội dung số & giá trị gia tăng; tên miền, hosting, phần mềm, thiết kế website; quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, tổ chức sự kiện		
15	Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp		
16	Dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ		
17	Dịch vụ tìm việc làm		
18	Dịch vụ bất động sản		
19	Sản phẩm, dịch vụ khác		

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 10. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

**V/v kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam
của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử**

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:
2. Tên tổ chức/đơn vị:
3. Mã số thuế :
4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thông tin hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	% tăng/ giảm so với năm trước đó
1	Thông tin người bán			
1.1	Tổng số tài khoản người bán	Số lượng tài khoản		
1.1.1	Số tài khoản người bán trong nước	Số lượng tài khoản		
1.1.1.1	Số lượng tài khoản người bán là doanh nghiệp	Số lượng tài khoản		
1.1.1.2	Số lượng tài khoản người bán là hộ kinh doanh	Số lượng tài khoản		
1.1.1.3	Số lượng tài khoản người bán là cá nhân kinh doanh	Số lượng tài khoản		
1.1.2	Số tài khoản người bán nước ngoài	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người bán đăng ký mới	Số lượng tài khoản		

1.2.1	Số lượng tài khoản người bán trong nước đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.2.2	Số lượng tài khoản người bán nước ngoài đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người bán chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
2	Thông tin người mua			
2.1	Tổng số lượng tài khoản người mua	Số lượng tài khoản		
2.2	Số lượng tài khoản người mua đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
2.3	Số lượng tài khoản người mua chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
3	Tổng số tin rao về hàng hóa, dịch vụ đăng bán			
3.1	Tổng số lượng tin rao của người bán trong nước	Số lượng tin bài		
3.2	Tổng số lượng tin rao của người bán nước ngoài	Số lượng tin bài		
4	Quy mô giao dịch (đối với mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử mà chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng)			
4.1	Số lượng đơn hàng được thực hiện qua chức năng liên lạc trực tuyến	Số lượng đơn hàng		
4.2	Tổng giá trị giao dịch của số đơn hàng	Triệu đồng		
5	Quy mô giao dịch (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
5.1	Tổng số lượng đơn hàng thành công theo phương thức thanh toán	Số lượng đơn hàng		
5.1.1	Chuyển khoản	%		
5.1.2	Ví điện tử	%		
5.1.3	Thẻ tín dụng	%		
5.1.4	Thanh toán COD	%		
5.1.5	Phương thức thanh toán khác (mobile money,...)	%		
5.2	Tổng số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
5.3	Tổng giá trị giao dịch của đơn hàng thành công	Triệu đồng		
6	Thông tin livestream bán hàng (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
6.1	Tổng số người livestream bán hàng	Số lượng người		
6.2	Số lượng phiên livestream bán hàng	Số lượng phiên		
6.3	Tổng giá trị đơn hàng thành công từ hoạt động livestream bán hàng	Triệu đồng		

7	Tổng doanh thu của nền tảng (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)	Triệu đồng		
7.1	Thu phí thành viên (mở, duy trì tài khoản)	Triệu đồng		
7.2	Thu phí xử lý đơn hàng	Triệu đồng		
7.3	Phí quảng cáo	Triệu đồng		
7.4	Thu phí từ dịch vụ khác (nếu có)	Triệu đồng		
8	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
8.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
8.2	Thời gian trung bình giải quyết 01 phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Giờ		

2. Thông tin hoạt động thương mại điện tử theo phạm vi địa lý (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)

STT	Địa điểm	Người bán				Người mua	
		Tổng đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với năm trước đó	Tổng giá trị đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với năm trước đó	Tổng chi phí	% tăng/giảm so với năm trước đó
1	An Giang						
2	Bắc Ninh						
3	Cà Mau						
4	Cao Bằng						
5	Đắk Lắk						
6	Điện Biên						
7	Tp. Đồng Nai						
8	Đồng Tháp						
9	Gia Lai						
10	Hà Tĩnh						
11	Hưng Yên						
12	Khánh Hòa						
13	Lai Châu						
14	Lâm Đồng						
15	Lạng Sơn						
16	Lào Cai						
17	Nghệ An						
18	Ninh Bình						
19	Phú Thọ						
20	Quảng Ngãi						
21	Quảng Ninh						
22	Quảng Trị						

23	Sơn La						
24	Tây Ninh						
25	Thái Nguyên						
26	Thanh Hóa						
27	Tp. Cần Thơ						
28	Tp. Đà Nẵng						
29	Tp. Hà Nội						
30	Tp. Hải Phòng						
31	Tp. Hồ Chí Minh						
32	Tp. Huế						
33	Tuyên Quang						
34	Vĩnh Long						
35	Nước ngoài						
Tổng cộng							

3. Hàng hóa, dịch vụ phổ biến được bán trên nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến

STT	Hàng hóa/dịch vụ	Tổng số lượng đơn hàng thành công	Tổng giá trị đơn hàng thành công (triệu đồng)
1	Đồ điện tử		
2	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, làm đẹp, sức khỏe		
3	Thời trang - phụ kiện, đồ chơi - mẹ và bé		
4	Ô tô - xe máy - xe đạp & phụ kiện, thể thao - dã ngoại - du lịch		
5	Nhà cửa - đời sống		
6	Sách – Văn phòng phẩm - quà tặng; phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ; thẻ khách hàng thường xuyên		
7	Dịch vụ gọi xe; giao, đặt đồ ăn; vận tải, giao hàng, logistics		
8	Dịch vụ vé máy bay, đặt chỗ; lưu trú và du lịch; ăn uống, ẩm thực		
9	Dược phẩm		
10	Đồ điện tử		
11	Rượu (các loại);		
12	Dịch vụ đào tạo, đào tạo trực tuyến		
13	Dịch vụ tư vấn hồ sơ, pháp lý, du học, thiết kế xây dựng, kiến trúc		
14	Dịch vụ nội dung số & giá trị gia tăng; tên miền, hosting, phần mềm, thiết kế website; quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, tổ chức sự		

	kiện		
15	Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp		
16	Dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ		
17	Dịch vụ tìm việc làm		
18	Dịch vụ bất động sản		
19	Sản phẩm, dịch vụ khác		

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 11. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử tích hợp

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày tháng.... năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam
của nền tảng thương mại điện tử tích hợp

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:
2. Tên tổ chức/đơn vị:
3. Mã số thuế:.....
4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/giảm so với năm trước đó
1	Quy mô người sử dụng			
1.1	Tổng số tài khoản người sử dụng	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người sử dụng có truy cập nền tảng được tích hợp	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng nền tảng thương mại điện tử được tích hợp	Số lượng nền tảng		
1.4	Số lượng nền tảng thương mại điện tử được tích hợp đã chấm dứt	Số lượng nền tảng		
2	Quy mô giao dịch			
2.1	Số lượng đơn hàng thành công được thực hiện trên nền tảng thương mại được tích hợp	Số lượng đơn hàng		

2.2	Tổng giá trị giao dịch của đơn hàng thành công được thực hiện trên nền tảng được tích hợp	Triệu đồng		
3	Tổng doanh thu từ hoạt động thương mại điện tử	Triệu đồng		
3.1	Thu phí nền tảng được tích hợp	Triệu đồng		
3.2	Thu từ quảng cáo	Triệu đồng		
3.3	Thu từ dịch vụ khác	Triệu đồng		
4	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
4.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
4.2	Thời gian trung bình giải quyết 01 phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Giờ		

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 12. Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày, tháng năm...

BÁO CÁO

**V/v kết quả hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam
của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn**

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:
2. Tên tổ chức:
3. Mã số thuế:.....
4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:
6. Dữ liệu báo cáo: Tháng.....Năm

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA NỀN TẢNG

1. Thông tin hoạt động thương mại điện tử theo phạm vi địa lý

STT	Địa điểm	Người bán				Người mua	
		Tổng đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước đó	Tổng giá trị đơn hàng thành công	% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước đó	Tổng chi phí	% tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước đó
1	An Giang						
2	Bắc Ninh						
3	Cà Mau						
4	Cao Bằng						
5	Đắk Lắk						
6	Điện Biên						
7	Tp. Đồng Nai						
8	Đồng Tháp						
9	Gia Lai						

10	Hà Tĩnh						
11	Hưng Yên						
12	Khánh Hòa						
13	Lai Châu						
14	Lâm Đồng						
15	Lạng Sơn						
16	Lào Cai						
17	Nghệ An						
18	Ninh Bình						
19	Phú Thọ						
20	Quảng Ngãi						
21	Quảng Ninh						
22	Quảng Trị						
23	Sơn La						
24	Tây Ninh						
25	Thái Nguyên						
26	Thanh Hóa						
27	Tp. Cần Thơ						
28	Tp. Đà Nẵng						
29	Tp. Hà Nội						
30	Tp. Hải Phòng						
31	Tp. Hồ Chí Minh						
32	Tp. Huế						
33	Tuyên Quang						
34	Vĩnh Long						
35	Nước ngoài						
Tổng cộng							

2. Hàng hóa, dịch vụ phổ biến được bán trên nền tảng

STT	Hàng hóa/dịch vụ	Tổng số lượng đơn hàng thành công	Tổng giá trị đơn hàng thành công (triệu đồng)
1	Đồ điện tử		
2	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, làm đẹp, sức khỏe		
3	Thời trang - phụ kiện, đồ chơi - mẹ và bé		
4	Ô tô - xe máy - xe đạp & phụ kiện, thể thao - dã ngoại - du lịch		
5	Nhà cửa - đời sống		
6	Sách - Văn phòng phẩm - quà tặng; phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ; thẻ khách hàng thường xuyên		
7	Dịch vụ gọi xe; giao, đặt đồ ăn; vận tải,		

	giao hàng, logistics		
8	Dịch vụ vé máy bay, đặt chỗ; lưu trú và du lịch; ăn uống, ẩm thực		
9	Dược phẩm		
10	Đồ điện tử		
11	Rượu (các loại)		
12	Dịch vụ đào tạo, đào tạo trực tuyến		
13	Dịch vụ tư vấn hồ sơ, pháp lý, du học, thiết kế xây dựng, kiến trúc		
14	Dịch vụ nội dung số & giá trị gia tăng; tên miền, hosting, phần mềm, thiết kế website; quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, tổ chức sự kiện		
15	Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp		
16	Dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ		
17	Dịch vụ tìm việc làm		
18	Dịch vụ bất động sản		
19	Sản phẩm, dịch vụ khác		

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 13. Báo cáo kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày tháng.... năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG

1. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng:

2. Tên tổ chức:

3. Mã số thuế :.....

4. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:

5. Thông tin chung về người điền báo cáo:

Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ GỠ BỎ THÔNG TIN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VI PHẠM PHÁP LUẬT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/giảm so với năm trước đó
1	Số lượng gian hàng bị gỡ bỏ	Số lượng		
2	Số lượng tài khoản người bán bị khóa	Số lượng		
3	Số lượng tài khoản người bán bị chấm dứt hoạt động	Số lượng		
4	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng giả trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
5	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
6	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		

7	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
8	Thời gian trung bình xử lý khi tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Giờ		

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 14. Báo cáo kết quả hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

...., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA TỔ CHỨC CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Tên tổ chức:.....
2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (số, ngày cấp, cơ quan cấp):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:
5. Kỳ báo cáo: Tháng..... năm.....

II. TÌNH HÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

1. Dữ liệu hợp đồng điện tử đã được chứng thực trong tháng.....năm.....

STT	Mã tổ chức chứng thực (mã theo giấy phép)	Mã hợp đồng (mã định danh duy nhất)	Thời điểm chứng thực (thời gian hệ thống ghi nhận)	Giá trị băm của hợp đồng điện tử (dùng để kiểm tra tính toàn vẹn)	Trạng thái (có hiệu lực/ đã hủy/ thu hồi)
01					
02					
...					

2. Dữ liệu hợp đồng điện tử trong thương mại được chứng thực theo trụ sở bên khởi tạo

TT	Trụ sở chính của bên khởi tạo hợp đồng điện tử	Chỉ tiêu			
		Tổng số hợp đồng đã chứng thực	Tổng số hợp đồng đã chứng thực của tháng trước đó	Tổng số hợp đồng B2B đã chứng thực của tháng trước đó	Tổng số hợp đồng B2C đã chứng thực của tháng trước đó
1	An Giang				
2	Bắc Ninh				
3	Cà Mau				
4	Cao Bằng				
5	Đắk Lắk				
6	Điện Biên				
7	Tp. Đồng Nai				
8	Đồng Tháp				
9	Gia Lai				
10	Hà Tĩnh				
11	Hưng Yên				
12	Khánh Hòa				
13	Lai Châu				
14	Lâm Đồng				
15	Lạng Sơn				
16	Lào Cai				
17	Nghệ An				
18	Ninh Bình				
19	Phú Thọ				
20	Quảng Ngãi				
21	Quảng Ninh				
22	Quảng Trị				
23	Sơn La				
24	Tây Ninh				
25	Thái Nguyên				
26	Thanh Hóa				
27	Tp. Cần Thơ				
28	Tp. Đà Nẵng				
29	Tp. Hà Nội				
30	Tp. Hải Phòng				
31	Tp. Hồ Chí Minh				
32	Tp. Huế				
33	Tuyên Quang				
34	Vĩnh Long				
Tổng cả nước					

3. Khiếu nại, phản ánh, tranh chấp từ đầu năm ... đến kỳ báo cáo

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng	
2	Số vụ đã giải quyết	Số lượng	
3	Thời gian trung bình giải quyết	Giờ	

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu;

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 15. Báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử tại Việt Nam của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

..., ngày tháng năm...

BÁO CÁO

V/v kết quả hoạt động vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử tại Việt Nam của tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức:
2. Mã số thuế :.....
3. Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở:
4. Địa chỉ tên miền chính của website hoặc tên ứng dụng (nếu có):
5. Thông tin chung về người điền báo cáo:
Họ và tên: Chức vụ: Điện thoại:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Thông tin chung

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng (giảm) so với cùng kỳ năm trước đó
1	Số lượng nền tảng thương mại điện tử đang ký hợp đồng cung ứng dịch vụ	Số lượng		
2	Số lượng đơn hàng vận chuyển, giao nhận thành công theo địa chỉ của người nhận	Số lượng đơn hàng		
2.1	An Giang			
2.2	Bắc Ninh			
2.3	Cà Mau			
2.4	Cao Bằng			
2.5	Đắk Lắk			
2.6	Điện Biên			

2.7	Tp. Đồng Nai			
2.8	Đồng Tháp			
2.9	Gia Lai			
2.10	Hà Tĩnh			
2.11	Hưng Yên			
2.12	Khánh Hòa			
2.13	Lai Châu			
2.14	Lâm Đồng			
2.15	Lạng Sơn			
2.16	Lào Cai			
2.17	Nghệ An			
2.18	Ninh Bình			
2.19	Phú Thọ			
2.20	Quảng Ngãi			
2.21	Quảng Ninh			
2.22	Quảng Trị			
2.23	Sơn La			
2.24	Tây Ninh			
2.25	Thái Nguyên			
2.26	Thanh Hóa			
2.27	Cần Thơ			
2.28	Tp. Đà Nẵng			
2.29	Tp. Hà Nội			
2.30	Tp. Hải Phòng			
2.31	Tp. Hồ Chí Minh			
2.32	Tp. Huế			
2.33	Tuyên Quang			
2.34	Vĩnh Long			
3	Số lượng đơn hàng vận chuyển giao nhận theo phương thức thanh toán			
3.1	Chuyển khoản	Số lượng		
3.2	Tiền mặt	Số lượng		

2. Thông tin vận chuyển, giao nhận hàng hóa thương mại điện tử xuyên biên giới

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng (giảm) so với cùng kỳ năm trước đó
1	Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu sang Việt Nam (tên nền tảng thương mại điện tử)			
1.1	...	Số lượng		

		đơn hàng		
1.2	...	Số lượng đơn hàng		
1.3	...	Số lượng đơn hàng		
2	Hàng hóa theo mã HS			
2.1	...	Số lượng		
2.2	...	Số lượng		
2.3	...	Số lượng		

III. KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

- Khó khăn
- Nguyên nhân
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM TRƯỚC PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HỢP PHÁP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)